

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17-3-2025

*“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Lý Văn Hoè

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà:

Bà Lang Thị Tố - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Anh Phạm Quốc H, Luật sư công ty luật TNHH H và cộng sự, đường 23/3, tổ 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, việc chung sống và kết hôn là tự nguyện, không bị ai xúi dục, ép buộc. Thời gian đầu sống chung vợ chồng hạnh phúc; tuy nhiên vài năm trở lại đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau, nay chị H cảm thấy không thể kéo dài mối quan hệ hôn nhân với anh T, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, chị và anh T có 02 con chung là Bùi Thị Thảo Q, sinh ngày 03-4-2010, Bùi Văn L, sinh ngày 04-11-2012, khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H vì thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không thể hàn gắn; về con chung do anh T cũng đồng ý việc chị H nuôi hai con chung nên đề nghị giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn anh Bùi Văn T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị H vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, việc kết hôn là tự nguyện, trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau được vài năm; sau khi kết hôn anh và chị H sinh sống tại địa bàn xã Q, thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng bình thường, đến năm 2016 khi xây dựng nhà thì xảy ra mâu thuẫn, chị H lấy tiền gia đình bỏ nhà đi được vài tháng lại trở về, một thời gian lại bỏ nhà đi; quá trình sống chung anh thừa nhận có uống rượu nhưng không có hành vi đánh đập chị H, anh và chị H đã sống ly thân khoảng từ tháng 10/2024 đến nay, tuy nhiên việc sống ly thân do chị H tự ý bỏ nhà đi; trong quá trình sống chung có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, hiện anh còn tình cảm với chị H, nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung như ý kiến chị H trình bày, hiện nay các con chung đang ở cùng chị H, trường hợp chị H không rút đơn khởi kiện trở về đoàn tụ gia đình anh T có nguyện vọng nuôi hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng, trường hợp chị H cũng có nguyện vọng nuôi

con chung thì anh đề nghị Toà án xem xét giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng,

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị H, về quan hệ hôn nhân chị H được ly hôn với anh Bùi Văn T; giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh T nên quan hệ pháp luật là tranh chấp là "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*"; các đương sự có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh Bùi Văn T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Quá trình sống chung, chị H và anh T đều thừa nhận thời gian đầu hạnh phúc, về sau xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Anh T cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị H chưa đến mức trầm trọng, tuy nhiên anh T và chị H đã sống ly thân kể từ cuối năm 2024 đến nay, mặt khác anh T thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn kể từ năm 2016. Xét mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên thực tế mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được điều đó được thể hiện

bằng việc chị H đã nhiều lần làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Bùi Văn T

[2.2] *Về con chung*: Trong quá trình sống chung, giữa chị H và anh T có 02 con chung là Bùi Thị Thảo Q, sinh ngày 03-4-2010, Bùi Văn L, sinh ngày 04-11-2012, các đương sự thừa nhận con chung hiện đang ở với chị H, xét khi chị H có nguyện vọng nuôi con chung thì anh T cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng nên cần giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Quyên và cháu Long, do đó cần giao hai con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh T đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn T.

1.2. *Về con chung*: Giao 02 con chung Bùi Thị Thảo Q, sinh ngày 03-4-2010, Bùi Văn L, sinh ngày 04-11-2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H không yêu cầu anh Bùi Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0008592, ngày 18-9-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Chị Lê Thị H đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng

